

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 45/2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 16 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 53/2004/NĐ-CP, ngày 18/02/2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Kết luận số 158-KL/BCS ngày 26/8/2015 của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác tổ chức bộ máy;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 42/2013/QĐ-UBND ngày 09/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đào Xuân Quý**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 45/2015/QĐ-UBND
Ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

3. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; trụ sở đặt tại thành phố Kon Tum.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban: Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ, gồm:

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Chính sách dân tộc;

d) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn;

đ) Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế công chức của Ban Dân tộc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của đơn vị.

2. Việc bố trí cán bộ công chức của Ban Dân tộc phải căn cứ vào chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định.

Điều 5. Thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ

Việc thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các tổ chức nêu tại Điều 3, Quy định này thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

Trưởng ban là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc. Trưởng ban có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 của quy định này đảm bảo kịp thời và hiệu quả; đồng thời chịu trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại mỗi kỳ họp theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về cán bộ công chức, tài chính, tài sản, vật tư, tài liệu... của cơ quan theo quy định.

3. Thực hiện chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, công chức của cơ quan.

4. Làm chủ tài khoản của cơ quan.

5. Chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Ban thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, thực hiện các quy định của Nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực công tác theo thẩm quyền.

7. Quyết định theo thẩm quyền quản lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý văn bản của các cấp, các ngành trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.

8. Phân công cho Phó Trưởng ban phụ trách một số lĩnh vực công tác của Ban; ủy quyền giải quyết một số công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng ban khi Trưởng ban vắng mặt.

9. Trưởng ban ban hành Quy chế làm việc, các mối quan hệ trong nội bộ cơ quan; quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng, đơn vị tương đương thuộc Ban và quy định trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, đơn vị tương đương thuộc Ban theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng ban

1. Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.
2. Khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng Ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành hoạt động của Ban; tham gia ý kiến với Trưởng ban về công việc chung của cơ quan.
3. Được chủ tài khoản ủy quyền đăng ký chữ ký tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.

**Chương III
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI LIÊN HỆ CÔNG TÁC****Điều 8. Chế độ làm việc**

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác

Trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chương trình công tác của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc, Ban Dân tộc tiến hành cụ thể hóa chương trình, kế hoạch công tác cho từng thời kỳ, hàng năm, dài hạn làm cơ sở cho quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian giải quyết công việc

Những công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban, nếu pháp luật đã quy định thời gian giải quyết thì phải giải quyết theo quy định. Nếu pháp luật chưa quy định thời gian giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng chuyên môn liên quan phải nghiên cứu, đề xuất ý kiến trình Trưởng ban (Phó Trưởng ban phụ trách lĩnh vực được phân công hoặc ủy quyền) giải quyết và trả lời cho tổ chức hoặc công dân. Trường hợp chưa giải quyết hoặc không giải quyết được phải trả lời rõ lý do bằng văn bản để tổ chức, công dân biết.

3. Chế độ soạn thảo, trình ký và ban hành văn bản

a) Việc soạn thảo văn bản thực hiện đúng quy trình, thể thức văn bản. Nội dung văn bản phải rõ ràng, cụ thể và đúng quy định pháp luật; ban hành văn bản phải đúng đối tượng thi hành trong văn bản.

b) Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban lập hồ sơ, thủ tục trình ký theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nếu công việc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành thì Trưởng ban phải chủ trì phối hợp với các cấp, các ngành trao đổi thống nhất bằng văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp nội dung trình có liên quan đến chức năng của các cơ quan khác, trong hồ sơ phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan.

c) Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Trưởng ban: Việc ký và ban hành văn bản do Trưởng ban chịu trách nhiệm về nội dung và thể thức văn bản. Phó Trưởng ban khi được Trưởng ban ủy quyền ký và ban hành các văn bản phải chịu trách nhiệm về nội dung và thể thức văn bản trước Trưởng ban và pháp luật.

4. Chế độ báo cáo

a) Hàng tháng, quý, 6 tháng và năm Trưởng ban thực hiện báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Dân tộc theo đúng thời gian quy định.

b) Khi đi công tác ngoài tỉnh, Trưởng ban phải báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trước 03 ngày, trường hợp đột xuất phải báo cáo ngay trước khi đi công tác để Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến.

c) Khi có vấn đề đột xuất nảy sinh vượt quá thẩm quyền thì Trưởng ban phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý kịp thời.

5. Công tác lưu trữ

Việc lưu trữ phải tiến hành thường xuyên, kịp thời và đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 9. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban Dân tộc

a) Mỗi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban Dân tộc là quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành.

Ban Dân tộc chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2. Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh) và có trách nhiệm báo cáo thường kỳ, đột xuất những vấn đề liên quan về công tác dân tộc phát sinh vượt quá thẩm quyền để xin ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban Dân tộc chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có liên quan đến công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

b) Chịu sự quản lý lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh về các mặt công tác có liên quan đến công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể cấp tỉnh

a) Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể cấp tỉnh là quan hệ phối hợp trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, các quyết định, các chương trình, dự án của Nhà nước đầu tư, hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc trên địa bàn.

b) Ban Dân tộc thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch liên tịch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ công tác dân tộc; đồng thời phối hợp các cơ quan có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là mối quan hệ tổ chức và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quản lý Nhà nước về công tác dân tộc ở các huyện, thành phố.

6. Đối với Phòng Dân tộc

Mọi quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Phòng Dân tộc là mối quan hệ chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của ngành thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10: Trưởng Ban Dân tộc căn cứ vào quy định này để quy định nhiệm vụ cụ thể và lề lối làm việc của các tổ chức trực thuộc.

Trưởng ban có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đào Xuân Quý

